TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÔNG NÔNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2018/QĐST-HNGĐ.	*Thông Nông, ngày 19 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nông Mạnh T, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Xóm Đ, Thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Chị Lã Thị Minh L, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Xóm Đ, Thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07(Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nông Mạnh T và chị Lã Thị Minh L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nông Mạnh T và chị Lã Thị Minh L.

2.2. Về con chung: Hai bên đương sự thỏa thuận giao con là Nông Gia B (sinh ngày 10 tháng 4 năm 2009) cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành; giao con là Nông Minh L (sinh ngày 10 tháng 7 năm 2016) cho chị Lý trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng

phí tổn nuôi con chung đối với cả hai bên, vì anh T và chị L không yêu cầu. Anh T, chị L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản quyền này.

Vì lợi ích của con chung trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Tài sản riêng, tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên anh T, chị L có nguyện vọng yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định thuận tình ly hôn, theo biên bản tự thỏa thuận ngày 05/7/2018 để tránh tranh chấp sau này như sau: Đối với đất nền nhà nghỉ hiện nay (có 04 phòng là nhà cấp 4 mỗi bên đang ở hai phòng riêng, có cổng riêng, có tổng diện tích 208m^2), tại: Xóm Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh C hai bên nhất trí chia đôi mỗi người một nửa theo diện tích 208m^2, nếu ai làm nhà thì theo đúng diện tích các bên thỏa thuận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bìa đỏ) số vào sổ cấp GCN; CH01536 cấp ngày 21/11/2013 do UBND huyện T cấp, đứng tên cả hai vợ chồng (T - L); Số máy tính quán nét hiện nay đang kinh doanh có 46 máy, tại: Xóm Đ, thị trấn T theo biên bản thẩm định, tại chỗ ngày 28/6/2018, nhất trí chia ba phần: Chia cho ông Nông Đức Q và bà Nông Thị N 20 bộ máy tính, anh Nông Mạnh T 13 bộ máy tính, chị Lã Thị Minh L 13 bộ máy tính. Ngoài ra các bên không có ai yêu cầu gì thêm

2. 4. Về án phí: Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Anh T chị L mỗi ng- ời phải chịu 75.000đ, tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà n- ớc. Anh T tự nguyện nộp thay án phí cho chị L, các đ- ơng sự đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. (*Anh T đ□ợc hoàn lại 150.000đ, tiền án phí dân sự sơ thẩm)*.

Xác nhận anh Tđã nộp tiền tạm ứng phí **300.000đ** *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2014/0000510 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngaysau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Thông Nông;
- Các đ- ơng sự;
- UBND Thị trấn T;
- Chi cục THADS huyện Thông Nông;
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bá Thanh